

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 243 THÁNG 9 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 243 tháng 9 năm 2017.

1. Sản lượng tiềm năng của Việt Nam: Kích cầu hay kích cung?/ Nguyễn Tú Anh, Nguyễn Thu Thủy// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 2 – 11

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung xác định sản lượng tiềm năng của Việt Nam, khoảng cách sản lượng tiềm năng thông qua việc ước lượng chuẩn tắc tổng vốn của nền kinh tế. Kết quả ước lượng cho thấy hiện nay tốc độ tăng sản lượng tiềm năng của Việt Nam đang có xu hướng đi lên, nhưng khoảng cách sản lượng tiềm năng lại rất nhỏ. Điều này ngụ ý dư địa của chính sách kích cầu là không nhiều, nhưng tiềm năng cho chính sách cung lại đang thuận lợi. Chính sách kinh tế nên kiên định mục tiêu giữ ổn định kinh tế vĩ mô và khuyến khích đầu tư hơn là các chính sách nới lỏng tiền tệ và tài khóa.

Từ khóa: Sản lượng tiềm năng; Khoảng cách sản lượng tiềm năng; Tổng vốn

2. Phương pháp tính chỉ số giá bất động sản và áp dụng cho thị trường bất động sản của Việt Nam/ Hoàng Văn Cường// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 12 – 18

Tóm tắt: Bài viết đề xuất phương pháp tính chỉ số giá bất động sản áp dụng cho điều kiện thị trường bất động sản của Việt Nam, một thị trường mới phát triển ở trình độ thấp, thiếu minh bạch, kém hoàn hảo và không có cơ sở dữ liệu mang tính hệ thống. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc kết hợp phương pháp thống kê với kỹ thuật định giá và phương pháp bán lặp có thể đo lường được chỉ số giá bất động sản trong điều kiện nguồn thông tin, dữ liệu về giá cả và thị trường bất động sản không đầy đủ, thiếu thống nhất. Đây cũng là phương pháp tính toán đơn giản, dễ dàng triển khai áp dụng cho tính chỉ số giá bất động sản cho từng địa phương trong thời gian tới.

Từ khóa: Bất động sản; Thị trường bất động sản; Chỉ số giá bất động sản

3. Yếu tố ảnh hưởng tới tỷ lệ an toàn vốn: Bằng chứng từ hệ thống ngân hàng Việt Nam/ Nguyễn Thị Hiền// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 19 – 25

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng tới tỷ lệ an toàn vốn của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn 2014-2016. Thông qua cơ sở dữ liệu của 33 ngân hàng Việt Nam và áp dụng mô hình định lượng cho thấy, việc kiểm soát tỷ lệ dự phòng tổn thất tín

dụng và tỷ lệ lãi cận biên có ý nghĩa quan trọng trong tác động tới tỷ lệ an toàn vốn. Các yếu tố vi mô khác như tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản hay các chỉ tiêu về tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn trên tiền gửi không kỳ hạn, tỷ lệ dòng tiền gửi vào so với dòng tiền rút ra, quy mô ngân hàng... chưa có bằng chứng rõ ràng là sẽ có tác động tới tỷ lệ an toàn vốn.

Từ khóa: Tỷ lệ an toàn vốn; Nhân tố ảnh hưởng; Ngân hàng; Chuẩn mực Basel; Việt Nam

4. Các chuẩn mực quốc tế về minh bạch trong mua sắm chính phủ và mức độ tương thích của Việt Nam/ Vũ Thị Hiền// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 26 – 33

Tóm tắt: Minh bạch trong mua sắm chính phủ có ý nghĩa to lớn trong việc tạo thuận lợi, công bằng cho thương mại, đảm bảo quyền và lợi ích của các nhà thầu nội địa và nước ngoài, cũng như tăng hiệu quả sử dụng vốn cho chính phủ. Các định chế quốc tế đã hình thành các chuẩn mực về minh bạch áp dụng cho các thành viên của mình, đặc biệt là Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và một số liên kết kinh tế mà Việt Nam là thành viên như Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Hiệp định thương mại tự do EU-Việt Nam (EVFTA)... Với mục tiêu hội nhập sâu hơn về lĩnh vực mua sắm chính phủ và tăng hiệu quả của hệ thống đấu thầu nội địa, bài viết sẽ tập trung nghiên cứu các chuẩn mực quốc tế về minh bạch trong lĩnh vực này, xem xét mức độ tương thích hiện tại của Việt Nam, từ đó, đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam trong việc cải thiện tính minh bạch trong mua sắm chính phủ.

Từ khóa: Chuẩn mực quốc tế; Minh bạch; Mua sắm chính phủ

5. Chuyên gia nước ngoài học hỏi được gì từ nhà quản lý Việt Nam?/ Đào Thị Thanh Lam// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 34 – 42

Tóm tắt: Bài báo này xem xét các nhân tố về sự tương tác, sự tin tưởng và sự chia sẻ chung về tư duy có tác động như thế nào lên việc thu nhận tri thức của các chuyên gia nước ngoài làm việc tại chi nhánh của công ty đa quốc gia tại Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy trong ba nhân tố, sự tin tưởng có tác động mạnh nhất, mối quan hệ tương tác có tác động vừa phải và sự chia sẻ chung về tư duy không có tác động đến việc thu nhận tri thức văn hóa của chuyên gia nước ngoài.

Từ khóa: Chuyên gia nước ngoài; Nhà quản lý địa phương; Các nhân tố mối quan hệ; Thu nhận tri thức; Các công ty đa quốc gia (MNCs)

6. Liên kết giữa các địa phương trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: Lợi ích, chi phí và rủi ro/ Nguyễn Hiệp// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 43 – 51

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhận diện và đo lường lợi ích, chi phí và rủi ro của liên kết giữa các địa phương trong thu hút FDI với trường hợp điển hình là Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Dựa trên nền tảng lý luận về liên kết trong khu vực công, nghiên cứu tiến hành khảo sát cảm nhận về lợi ích, chi phí và rủi ro thực tế và kỳ vọng của những người trực tiếp tham gia vào quá trình thu hút của các địa phương trong Vùng. Kết quả phân tích bằng các công cụ thống kê cho thấy rất nhiều khía cạnh lợi ích liên kết còn rất sơ khai, chi phí và rủi ro hiện tại còn thấp và còn cách biệt so với kỳ vọng. Đặc biệt, nhận thức còn có sự khác biệt lớn giữa các cấp quản lý và giữa các cơ quan thuộc bộ máy triển khai thu hút FDI. Nghiên cứu cho thấy vẫn còn nhiều cơ hội gia tăng liên kết. Đẩy mạnh truyền thông để có sự thống nhất nhận thức là hàm ý quan trọng trong nỗ lực thúc đẩy liên kết trong tương lai.

Từ khóa: Thu hút FDI; Liên kết; Lợi ích; Chi phí; Rủi ro; Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

7. Mô hình cánh đồng lớn: Hiệu quả về kinh tế - xã hội - môi trường và gợi ý chính sách cho phát triển bền vững/ Nguyễn Hiệp// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 52 – 60

Tóm tắt: Mô hình cánh đồng lớn được quan tâm trong thực tiễn vì đã đem lại những kết quả lợi nhuận, thu nhập hơn hẳn sản xuất cá thể. Tìm hiểu hiệu quả về kinh tế - xã hội - môi trường của mô hình Cánh đồng lớn so với mô hình sản xuất hộ truyền thống là những thách thức đối với các nhà nghiên cứu và những nhà chính sách ở Việt Nam. Dựa vào khung lý thuyết kinh tế học và thực tiễn Việt Nam, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp kiểm định trung bình mẫu độc lập (Independent Sample T-test) và kiểm định Chi bình phương (Chi – square test) nhằm đánh giá hiệu quả mô hình Cánh đồng lớn. Nghiên cứu tiến hành điều tra trực tiếp 520 hộ nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long, trong đó, 260 hộ nông dân có tham gia và 260 hộ nông dân không tham gia vào cánh đồng lớn. Kết quả cho thấy hộ nông dân tham gia cánh đồng lớn có hiệu quả về kinh tế - xã hội - môi trường hơn hộ nông dân không tham gia cánh đồng lớn.

Từ khóa: Cánh đồng lớn; Hiệu quả về kinh tế - xã hội - môi trường; Đồng bằng sông Cửu Long

8. Nhân tố tác động đến đổi mới - sáng tạo sản phẩm: Minh chứng từ các doanh nghiệp sản xuất trò chơi điện tử tại Việt Nam/ Phan Thị Thục Anh// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 61 – 70

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm mục tiêu tìm hiểu các nhân tố tác động đến đổi mới - sáng tạo sản phẩm của doanh nghiệp. Minh chứng thu thập được từ khảo sát 162 nhà quản lý và nhân viên làm việc trong các doanh nghiệp sản xuất trò chơi điện tử tại Việt Nam cho thấy ba trong bốn giả thuyết đề ra được ủng hộ. Cụ thể, đổi mới - sáng tạo sản

phẩm bị ảnh hưởng bởi văn hóa chú trọng khách hàng, sự ủng hộ của lãnh đạo và năng lực của nhân viên. Đây là những nhân tố mà các nhà quản lý của doanh nghiệp sản xuất trò chơi điện tử nói riêng và các doanh nghiệp Việt Nam nói chung cần phải chú trọng xây dựng để có thể sản xuất ra các sản phẩm mới và/hoặc hoàn thiện hơn nhằm đảm bảo thành công trên thị trường.

Từ khóa: Đổi mới - sáng tạo; Đổi mới - sáng tạo sản phẩm; Trò chơi điện tử

9. Tác động của sở hữu nhà nước tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước trên thị trường chứng khoán Việt Nam/ Nguyễn Xuân Thắng, Đàm Văn Huệ, Phạm Việt Hùng, Vũ Ngọc Tuấn// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 71 – 79

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm làm rõ mối quan hệ giữa kết quả kinh doanh doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng của các doanh nghiệp niêm yết có vốn nhà nước. Trong nghiên cứu này, tác động của cấu trúc và mức độ sở hữu của các nhóm cổ đông tới kết quả kinh doanh sẽ được tập trung phân tích và làm rõ. Đặc biệt là mức độ sở hữu của nhà nước đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Thật vậy, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng cấu trúc sở hữu có mối quan hệ nhất định đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể, tồn tại mối quan hệ ngược chiều giữa cấu trúc sở hữu với kết quả kinh doanh, trong khi đó thì sở hữu tư nhân trong nước lại có mối quan hệ cùng chiều với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ khóa: Cấu trúc sở hữu; Cấu trúc sở hữu; Kết quả kinh doanh; Việt Nam

10. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển công nghiệp hỗ trợ: Bằng chứng từ thành phố Hồ Chí Minh/ Hồ Quế Hậu// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 80 – 89

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ bởi bằng chứng từ thành phố Hồ Chí Minh. Phương pháp phân tích tổng hợp dữ liệu thứ cấp được kết hợp với một khảo sát định lượng tại 312 doanh nghiệp. Các kết quả nghiên cứu cho thấy có sáu nhân tố quan trọng để phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ: (i) trình độ công nghệ tiên tiến, (ii) chất lượng sản phẩm tốt, (iii) sự liên kết chặt chẽ với các đối tác, trong đó quan trọng nhất là với các doanh nghiệp FDI, (iv) năng lực quản lý tốt, (v) chất lượng lao động cao và (vi) khả năng vay vốn ngân hàng.

Từ khóa: Doanh nghiệp; Công nghiệp; Công nghiệp hỗ trợ; Thành phố Hồ Chí Minh

11. Tác động từ vốn đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế tư nhân ở Tây Nguyên - Trường hợp tỉnh Đắk Nông/ Bùi Quang Bình// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 90 – 96

Tóm tắt: Đầu tư công luôn là nguồn lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển. Bài viết này tập trung phân tích tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế tư nhân và rút ra những hàm ý trong việc phát huy vai trò của nguồn đầu tư này. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thống kê và mô hình kinh tế lượng. Các số liệu được sử dụng chủ yếu từ niên giám thống kê của Tỉnh. Kết quả cho thấy đầu tư công có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế tư nhân, đã không tạo ra tác động lấn át đầu tư tư nhân ở tỉnh Đắk Nông.

Từ khóa: Đầu tư; Đầu tư công; Đầu tư tư nhân; Tăng trưởng kinh tế; Tác động của đầu tư công

12. Ứng dụng mạng trí tuệ nhân tạo khai phá dữ liệu trong giao dịch ngoại hối/ Nguyễn Thị Thu Thủy, Đặng Xuân Vương// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 243 tháng 9/2017 .- Tr. 97 – 104

Tóm tắt: Thị trường giao dịch ngoại hối (Foreign Exchange Market) được biết đến như một thị trường giao dịch tài chính sôi động và hoạt động liên tục từ 21 giờ (GMT) Chủ nhật tới 21 giờ (GMT) Thứ sáu hàng tuần. Bài toán giao dịch ngoại hối là việc dự báo chiến lược mua vào hoặc bán ra của các cặp tỷ giá khác nhau trên thị trường căn cứ vào tập dữ liệu quá khứ đủ lớn. Mạng trí tuệ nhân tạo và đặc biệt là mô hình máy véc tơ hỗ trợ (Support Vector Machine – SVM) đã cải thiện đáng kể các kết quả hỗ trợ cho việc dự báo. Ví dụ như hệ số sinh lời tăng từ 0.77 (không áp dụng mô hình SVM) lên 3.03 (có áp dụng mô hình SVM).

Từ khóa: Thị trường ngoại hối; Giao dịch; Support Vector Machine (SVM); Hỗ trợ; Dự báo

Trung tâm Thông tin Thư viện